

新南向產學合作國際專班宣導活動

（就醫、急難、學則、教育部專線、法規及其他）

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ KHÁM CHỮA BỆNH, HỖ TRỢ KHẨN CẤP, QUY CHẾ ĐÀO TẠO, VV.

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

歡迎到身心健康中心!

Chào Mừng Đến Với Trung Tâm Sức Khỏe Thể Chất Và Tinh Thần!



地理位置

大華樓3樓 (Tầng 3)

(出電梯左轉

Ra khỏi thang máy rẽ trái)

連絡電話

03-592-7700

分機 Số máy nhánh 2330-2334

地理位置

大華樓樓

(找尋OK便利店

Tìm cửa hàng tiện lợi OK)

連絡電話

03-592-7700

分機 Số máy nhánh 2344

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

身心健康中心在哪裡？
Trung Tâm Sức Khỏe Thể Chất Và Tinh Thần Ở Đâu?





大華樓3樓 (Tầng 3 Tòa Đại Hoa)

大36室 (phòng 36)：身心健康中心(諮商輔導中心)
Trung tâm Sức khỏe Thể chất và Tinh thần
大37室 (phòng 37)：心理測驗室、晤談室 Phòng tâm lý
大38室 (phòng 38)：資源教室 Phòng học tài nguyên

仁愛樓1F (Tầng 1, Tòa Nhân Ái)

仁17 (phòng 17) ：保健室 Phòng Y tế

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

身心健康中心–個別心理諮商

Trung tâm Sức khỏe Thể chất và Tinh thần – Tư vấn tâm lý cá nhân

📣 心理師諮商服務

Dịch vụ tư vấn của chuyên viên tâm lý

本學期到校時間如下：Lịch có mặt tại trường trong học kỳ này:

週一、週二：每週上、下午（每次4-6小時）

Thứ Hai, Thứ Ba: **hằng tuần**, buổi sáng và buổi chiều (mỗi lần 4–6 tiếng)

週四、週五：隔週上、下午（每次4-6小時）

Thứ Năm, Thứ Sáu: **cách tuần**, buổi sáng và buổi chiều (mỗi lần 4–6 tiếng)

📣身心科醫師駐診 Bác sĩ chuyên khoa tâm thần trực tại trường

「心靈加油站：讓心更自在」邀請到**新竹台大蔡昇諭醫師駐校諮詢**服務，歡迎把握機會來和醫生輕鬆聊聊。

Chương trình "Trạm tiếp sức tâm hồn: Để lòng thêm thư thái" đã mời **bác sĩ Thái Thăng Dụ của Bệnh viện Đại học Quốc gia Đài Loan, chi nhánh Tân Trúc** đến trường tư vấn. Các bạn hãy tận dụng cơ hội này để trò chuyện thoải mái cùng bác sĩ.

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

身心健康中心-敏實心靈咖啡館

Trung tâm Sức khỏe Thể chất và Tinh thần – Quán Cà phê Tâm hồn Mẫn Thực

加入後，**主動通報班級／學號／姓名**

跟我們打個招呼吧

Sau khi tham gia, hãy chủ động báo lớp /

mã số sinh viên / họ tên và chào hỏi

chúng tôi nhé!



學務相關

一、就醫資訊
Thông tin y tế

學校健康中心 - Trung tâm y tế

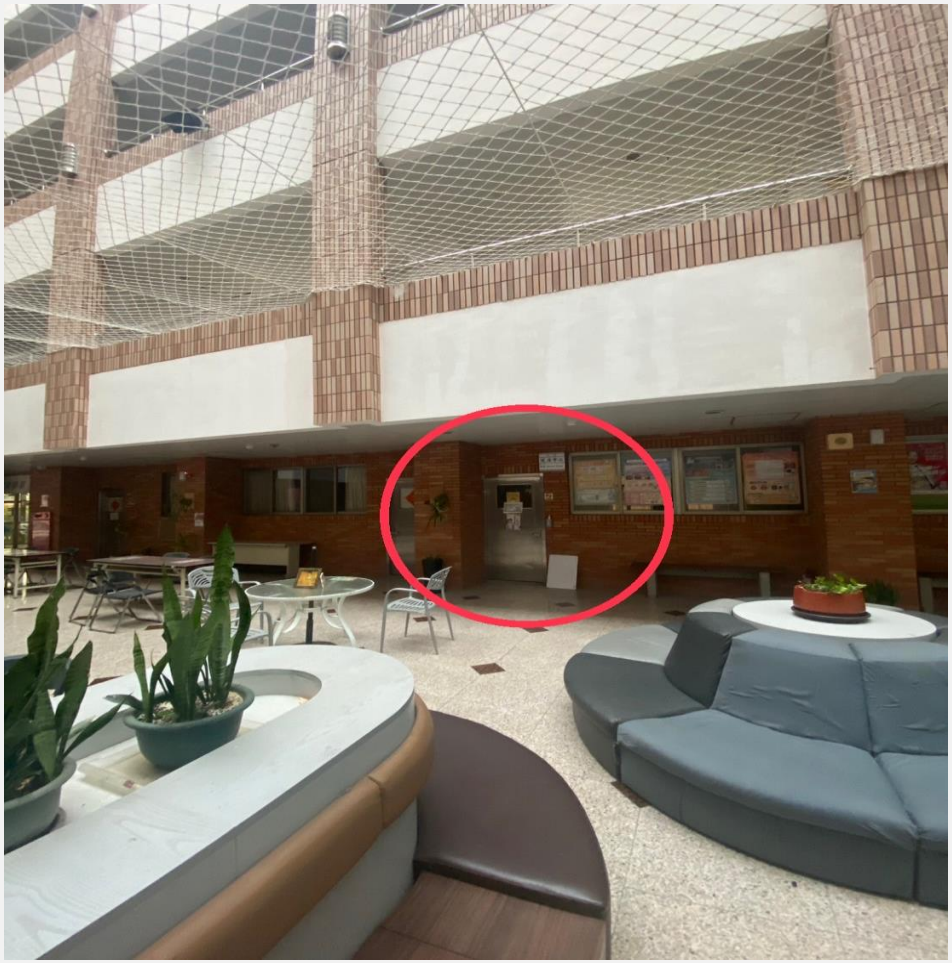
仁愛樓1樓 – Tầng 1 Toà Nhân Ái (Chéo góc với Cửa hàng tiện lợi Ok mark)

聯絡方式 Cách thức liên lạc

彭美惠 –身心健康中心主任

TEL：(03）5927700-轉2344

健康中心入口處
Cửa vào trung tâm y tế



健康中心位置圖
Bản đồ vị trí trung tâm y tế



健康中心入口處
Lối vào trung tâm y tế



健康中心走廊
Hành lang trung tâm y tế



健康中心門口
Cửa vào trung tâm y tế

就醫資訊
Thông tin y tế

芎林鄉平安診所
Phòng khám Bình An - Thị trấn Khung Lâm-Gần Bưu Điện

地址 Address: 新竹縣芎林鄉文衡街442號

電話 SĐT : 03-5921678



就醫資訊
Thông tin y tế



芎林鄉衛生所
Trung Tâm Y Tế Thị trấn Khung Lâm

地址 Address: 新竹縣芎林鄉文山路532號

電話 SĐT : 03-5924787

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

就醫資訊
Thông tin y tế

新竹臺大分院生醫(竹北院區)
NTUH Biomedical Park Hospital

地址Address :新竹縣竹北市生醫路一段2號

電話 SĐT :03 667 7600



敏實科技大學 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

就醫資訊
Thông tin y tế

臺北榮民總醫院 新竹分院
Bệnh viện Đa khoa Vinh Dân Đài Bắc - Chi nhánh Tân Trúc

地址Address：新竹縣竹東鎮中豐路一段81號

電話SĐT：03-5962134



就醫資訊
Thông tin y tế

醫院名稱 Bệnh Viện	車程時間 Time	地址 Địa chỉ	電話 SĐT
台大新竹分院	３０分鐘 phút	新竹市經國路一段442巷25號	03-5326151
新竹市南門綜合醫院	３０分鐘 phút	新竹市林森路20號	03-5261122
新竹市新生醫院	３０分鐘 phút	新竹市西門街120號	03-5240312
新竹臺大分院生醫(竹東院區)	２０分鐘 phút	新竹縣竹東鎮至善路52號	03-5943248
臺北榮民總醫院新竹分院	２０分鐘 phút	新竹縣竹東鎮中豐路一段81號	03-5962134
竹北市東元醫院	２０分鐘 phút	竹北市縣政二路69號	03-5527000
新竹臺大分院生醫(竹北院區)	１０分鐘 phút	新竹縣竹北市生醫路一段2號	03-6677600
中國醫藥大學(新竹附設醫院)	２０分鐘 phút	新竹縣竹北市興隆路一段199號	03-5580558
芎林鄉 衛生所	5 分鐘 phút	新竹縣芎林鄉文山路532號	03-5927499
芎林平安診所	5 分鐘 phút	新竹縣芎林鄉文衡路442號1樓	03-5921678

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

學生團體保險(學生平安保險)
Bảo hiểm Bình an Sinh viên

學生平安保險 vs. 全民健保
So sánh Bảo hiểm Bình an và Bảo hiểm y tế

全民健康保險（健保）
Bảo hiểm y tế (BHYT)

主要用途：日常看病、治療、住院

- **感冒、發燒、疾病、受傷**
- **就醫時直接使用健保**
- **不是以事故後現金理賠為主要目的**

Mục đích chính: khám bệnh, điều trị và nhập viện

- Cảm cúm, sốt, bệnh tật, bị thương
- Sử dụng trực tiếp khi đi khám
- Không phải bảo hiểm bồi thường tiền sau tai nạn

學生平安保險
Bảo hiểm tai nạn / bảo hiểm nhóm sinh viên

主要用途：意外、住院、手術等事故保障

- **發生符合保單條件的事故後申請理賠**
- **保障內容依學校當年度保單**
- **不能取代全民健保**

Mục đích chính: bảo vệ khi tai nạn, nhập viện, phẫu thuật...

- Nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường khi xảy ra sự cố đủ điều kiện
- Quyền lợi tùy hợp đồng bảo hiểm của trường
- Không thay thế BHYT

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

學生團體保險(學生平安保險)
Bảo hiểm Bình an Sinh viên

發生意外時，兩種保險如何搭配？
Khi xảy ra tai nạn, sử dụng hai loại bảo hiểm như thế nào?

① 先就醫
① Đi khám trước

使用健保接受診療。

Sử dụng BHYT để khám và điều trị.

② 保留文件
② Giữ lại hồ sơ

診斷證明、醫療收據、費用明細。

Giấy chứng nhận chẩn đoán, hóa đơn và bảng kê chi phí.

③ 確認理賠
③ Kiểm tra quyền lợi

確認是否符合學生平安保險理賠條件。

Xác nhận có phù hợp với điều kiện bồi thường của bảo hiểm sinh viên hay không.

④ 提出申請
④ Nộp hồ sơ

依學校規定向承辦單位申請。

Nộp hồ sơ cho theo quy định của trường.

健保 = 看病時使用 | 學生平安保險 = 符合條件時申請理賠

BHYT = sử dụng khi khám chữa bệnh | Bảo hiểm sinh viên = yêu cầu bồi thường khi đủ điều kiện

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

學生團體保險(學生平安保險)
Bảo hiểm Bình an Sinh viên

「學生平安保險」申辦注意事項
Những điều cần lưu ý khi đăng ký nhận tiền trợ cấp từ "Bảo hiểm bình an"

申請需要準備資料如下：

Đăng ký nhận tiền trợ cấp cần chuẩn bị những giấy tờ sau:

1、保險金申請書 (表單下載處) Đơn đăng ký nhận tiền trợ cấp

2、醫院診療收據 Hóa đơn khám chữa bệnh

3、醫生開立診斷證明 Giấy chứng nhận chuẩn đoán của bác sĩ

4、同學本人的金融存掃封面 Bản photo bìa sổ ngân hang (chính chủ)

5、骨折需要附X光片電子檔 Trường hợp gãy xương, cần có file điện tử (đĩa CD) chụp X-quang.

以上資料依序備齊，請送至本校保健室蓋章，由學校統一送保險公司

Vui lòng chuẩn bị tất cả các giấy tờ trên theo đúng thứ tự và đóng dấu tại phòng y tế của trường. Sau đó, nhà trường sẽ gửi đến công ty bảo hiểm.

(請注意！無學校蓋章不予受理)

(Lưu ý! Hồ sơ không có dấu của trường sẽ không được chấp nhận.)

詳細申請平安保險-校網入口 Link tham khảo và hướng dẫn cách đăng ký nhận tiền trợ cấp trên web trường:
https://osa.mitust.edu.tw/p/404-1005-18294.php?Lang=zh-tw

敏實科大就醫資訊網:
Tìm Kiếm Thông tin y tế nêu trên và các nhà thuốc gần trường thông qua Web trường :

https://osa.mitust.edu.tw/p/404-1005-13749.php?Lang=zh-tws



敏實科大 網站地圖 招生資訊 搜尋

敏實科技大學-學務處 Minth University of Science and Technology

學務長 生活事務中心 身心健康中心 軍訓室 體教中心 原資中心
性平辦公室 歷年校慶 場地使用登記

首頁 / 身心健康中心 / 保健室

就醫資訊

敏實科技大學就醫資訊診所及藥局公告

敏實科技大學附近醫院常備之毒蛇血清

敏實科技大學附近診所

	診所名稱/電話	住址	看診資訊
1	芎林衛生所 03-5924787	新竹縣芎林鄉 文山路532號	每周三:8:30-11:30 每周五:8:30-11:30 (約8:00左右就會開始掛號限額60名截止)
2	平安診所 03-5921678	新竹縣芎林鄉 文衡路442號	星期一 18:40–21:00 星期二 07:50–12:00, 18:40–21:00 星期三 07:50–12:00 星期四 07:50–12:00, 18:40–21:00 星期五 07:50–12:00, 18:40–21:00

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

線上健康諮詢服務
Dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến

提供線上健康諮詢服務，歡迎加入官方line

(敏實健康中心)連結如：@314sryte

Cung cấp dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, chào mừng bạn tham gia đường dây chính thức (Trung tâm Y tế Mẫn Thực) LINE ID: @314sryte

加入後請主動通報自己的班級姓名。

Vui lòng chủ động thông báo tên lớp sau khi add line.





敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

校園全面禁菸

Cấm hút thuốc trong toàn diện khuôn viên trường

依「菸害防制法」規定校園全面禁菸，全面禁止吸菸及攜帶菸品，包含攜帶菸(電子煙、加熱菸)、酒、檳榔、打火機等違禁品者。

Cấm hút và mang theo thuốc lá trong toàn diện khuôn viên trường, bao gồm cả thuốc lá truyền thống, thuốc lá điện tử, trầu, rượu bia và bật lửa.



本校學生違者記處小過之大過處分，累計裁罰，另依法逕送衛生局裁罰，違者最高罰款NT$10,000

Vi phạm sẽ bị ghi Lỗi nhỏ cho đến Lỗi lớn và cộng dồn, ngoài ra chuyển lên cho Sở Y Tế giải quyết xử phạt, mức phạt cao nhất là 10,000 Đài tệ.

所有的記過懲處與點數計算方式，會依照學校學生事務會議最新修正並通過的「學生獎懲辦法」來辦理。

Tình trạng ghi lỗi và cách tính lỗi sẽ dựa vào quy định thưởng phạt mới nhất đã được thông qua Họp Hội nghị hành chính nhà trường.

檢舉專線：0800-531-531

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

校園全面禁菸

Cấm hút thuốc trong toàn diện khuôn viên trường



電子菸與不明菸彈的風險

Rủi ro từ thuốc lá điện tử và tinh dầu không rõ nguồn gốc

電子菸可能含尼古丁及其他有害物質

Thuốc lá điện tử có thể chứa nicotine và các chất có hại.

不明菸彈可能摻入毒品，外觀無法判斷成分

Tinh dầu không rõ nguồn gốc có thể chứa ma túy. Không thể nhận biết chỉ bằng vẻ ngoài.

不試用、不代收、不替人保管

Không thử, không nhận hộ, không giữ hộ.

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

校園全面禁菸

Cấm hút thuốc trong toàn diện khuôn viên trường



電子菸：現行罰則

Quy định đang có hiệu lực

使用電子菸,罰新臺幣

Sử dụng thuốc lá điện tử:
Phạt **2,000–10,000** Đài tệ.

供應他人使用,罰新臺幣:**1萬–25萬**

Cung cấp cho người khác sử dụng,
Phạt **10,000–250,000** Đài tệ.

免費借給朋友抽，也可能屬於「供應」

Cho bạn dùng miễn phí cũng có thể bị xem là hành vi cung cấp.

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

校園全面禁菸

Cấm hút thuốc trong toàn diện khuôn viên trường



電子菸：修法擬加重處罰

DỰ THẢO SỬA LUẬT (CHƯA CÓ HIỆU LỰC)

持有、使用電子菸，擬罰新臺幣30,000–100,000

Dự kiến phạt 30.000–100.000 Đài tệ đối với việc sở hữu hoặc sử dụng.

草案尚未生效，實際施行日期以政府公告為準

Dự thảo chưa có hiệu lực. Ngày áp dụng dựa theo thông báo chính thức của chính phủ trong năm hiện hành làm chuẩn.

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

校園全面禁菸

Cấm hút thuốc trong toàn diện khuôn viên trường



菸害違規：校規處分已提高為大過

Kỷ luật của trường đối với vi phạm quy định phòng, chống tác hại thuốc lá

違反菸害防制法相關規定,依《學生獎懲辦法》第十二條第十一款，大過處分

Vi phạm quy định của Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá, ghi **Lỗi Lớn.**

大過

Ghi lỗi kỷ luật nặng (Lỗi Lớn)

單純攜帶菸品另依第十條第六款記申誡，個案依校規程序審議。

Chỉ mang theo: khiển trách theo Điều 10 khoản 6. Xử lý theo quy trình của trường.

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

新生健康檢查及CPR認證

Khám sức khỏe tân sinh viên và chứng nhận CPR

115學年新生健康檢查，委由新永和醫院辦理。

Khám sức khỏe tân sinh viên năm học 115, nhà trường ủy thác cho **Bệnh viện Tân Vĩnh Hòa** thực hiện.

■ **體檢日期：10月27日(二)上午，依各班體檢時間報到。**

Thời gian khám: Sáng **27/10 (Thứ Hai)**, sinh viên đến báo danh theo thời gian khám của từng lớp.

■ **體檢地點：本校志清堂籃球場。**

Địa điểm khám: Sân bóng rổ 志清堂 của trường.

■ **體檢費用：700 元，供膳健檢另加300元(體檢現場繳費)。**

Chi phí khám: 700 Đài tệ; Khám sức khỏe cho ngành ăn uống đóng thêm 300 Đài tệ (đóng tại nơi khám).

當日以班為單位統一帶至志清堂進行健檢。

Sinh viên sẽ được tập trung theo từng lớp và cùng nhau đến**志清堂** để tiến hành khám sức khỏe.

115-1健康促進計劃「基本救命術加AED考證訓練」Chương trình thúc đẩy sức khỏe học kỳ 1 năm 115

"Đào tạo kỹ thuật cấp cứu cơ bản kết hợp thi lấy chứng nhận AED"

時間：115年11月18日(星期三) 13:00-17:00 (暫) / Thời gian: 13:00–17:00, **18/11 năm 115 (Thứ Tư)** *(tạm thời)*

地點：仁25翻轉教室 / Địa điểm: Phòng học **仁25**

二、急難救助資訊
Thông tin cứu trợ khẩn cấp

敏實科技大學境外生在臺急難救助金實施辦法

Quy Chế Thực Hiện Quỹ Hỗ Trợ Khẩn Cấp Tại Đài Loan Dành Cho Sinh Viên Nước Ngoài Của Trường Đại Học KHKT Mẫn Thực

民國 115 年 05 月 26 日 114 學年度第 2 學期第 14 次行政會議通過

Thông qua tại cuộc họp hành chính lần thứ 14, học kỳ 2, năm học 114 (ngày 26 tháng 05 năm 2026)

第一條 敏實科技大學(以下簡稱本校)為照顧在臺突遭不幸或急需幫助之本校境外生,予以適切濟助,特設「境外生在臺急難救助金」(以下簡稱急難救助金),並訂定本辦法。

Điều 1: Đại học KHKT Mẫn Thực (sau đây gọi tắt là Nhà trường) nhằm chăm sóc và hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài đang theo học tại trường đột ngột gặp rủi ro hoặc cần giúp đỡ khẩn cấp tại Đài Loan, đặc biệt thành lập "Quỹ hỗ trợ khẩn cấp tại Đài Loan dành cho sinh viên nước ngoài" (sau đây gọi tắt là Quỹ hỗ trợ khẩn cấp) và ban hành quy chế này.

第二條 凡本校境外生在臺就學期間發生下列情事之一者,得予核發急難救助金,同一事件以申請乙次為限。每一個案核發金額標準如下:

Điều 2: Mọi sinh viên nước ngoài của trường trong thời gian học tập tại Đài Loan nếu xảy ra một trong các trường hợp dưới đây, sẽ được xem xét cấp Quỹ hỗ trợ khẩn cấp, mỗi sự việc chỉ được giới hạn đăng ký một lần. Tiêu chuẩn mức tiền cấp phát cho mỗi trường hợp như sau:

一、不幸亡故者,以新臺幣二萬元為上限。

1. Trường hợp không may qua đời: mức tối đa là 20, 000 Đài tệ.

二、重傷或重病就醫者,或遭逢意外傷害、突發或緊急狀況需要協助者,以新臺幣二萬元為上限。

2. Trường hợp bị thương nặng hoặc bệnh nặng cần điều trị, hoặc gặp tai nạn bất ngờ, các tình huống đột xuất hoặc khẩn cấp cần được hỗ trợ: mức tối đa là 20,000 Đài tệ.

三、其他經審查小組認定需予緊急協助者,以新臺幣二萬元為上限。

3. Các trường hợp khác được tổ thẩm định xác định là cần hỗ trợ khẩn cấp: mức tối đa là 20,000 Đài tệ.

四、如遇特殊情況,需提高救助金核發金額,得專案簽請校長核准後核發。

4. Nếu gặp trường hợp đặc biệt cần tăng mức tiền hỗ trợ, có thể làm tờ trình chuyên án xin Hiệu trưởng phê duyệt xong sẽ cấp phát.

第三條 為妥善運用本急難救助金,由國際處處長、個案所屬學院院長、系主任、導師並視需要邀集生活事務中心主任、學務長,共同組成審查小組。審核內容如下:

二、急難救助資訊
Thông tin cứu trợ khẩn cấp

Điều 3: Để sử dụng hợp lý Quỹ hỗ trợ khẩn cấp này, tổ thẩm định sẽ được thành lập bao gồm: Trưởng phòng Quốc tế, Viện trưởng học viện trực thuộc của sinh viên đó, Chủ nhiệm khoa, Giáo viên chủ nhiệm, và tùy theo nhu cầu có thể mời thêm Chủ nhiệm Trung tâm Đời sống Sinh viên, Trưởng phòng học vụ cùng tham gia. Nội dung thẩm định như sau:

一、審核急難救助金之申請、給付。

1. Thẩm định việc đăng ký và chi trả Quỹ hỗ trợ khẩn cấp.

二、處理審查小組成員提議事項。

2. Xử lý các vấn đề do các thành viên trong tổ thẩm định đề xuất.

第四條 申辦及核發程序:

Điều 4: Quy trình đăng ký và cấp phát:

一、申辦時間:應於事實發生之日起一個月內,由境外生本人或家屬、或院系所人員填具「境外生在臺急難救助金申請表」,並檢附相關證明(應備)文件,簽請系(科)所主管及國際處處長同意後,提交審查小組審核。但情況急需者,得視狀況專簽先予核准發放,惟應依規定補辦申請手續,提交審查小組追認。

1. Thời gian đăng ký: Trong vòng một tháng kể từ ngày xảy ra sự việc, bản thân sinh viên nước ngoài hoặc người nhà, hoặc nhân viên của khoa/viện điền vào "Đơn xin Quỹ hỗ trợ khẩn cấp tại Đài Loan dành cho sinh viên nước ngoài", kèm theo các giấy tờ chứng minh (bắt buộc) liên quan, trình cho chủ nhiệm (khoa) và Trưởng phòng Quốc tế ký đồng ý, sau đó nộp cho tổ thẩm định để xem xét. Tuy nhiên, đối với các trường hợp cấp bách, tùy tình hình có thể làm tờ trình đặc biệt xin phê duyệt cấp phát trước, nhưng sau đó phải bổ sung thủ tục đăng ký theo quy định và nộp cho tổ thẩm định để xác nhận lại.

二、申辦限制:同一事件以申請乙次為限,如已申請本急難救助金,則不得重複申請「本校學生急難慰問與濟助金」。

2. Hạn chế đăng ký: Mỗi sự việc chỉ được đăng ký một lần, nếu đã đăng ký Quỹ hỗ trợ khẩn cấp này thì không được đăng ký trùng lặp "Quỹ cứu trợ và thăm hỏi khẩn cấp dành cho sinh viên của trường".

三、應備文件:除申請表外,申請人亦須檢附學生證影本、當學期在學證明、中華民國居留證正反面影本、護照影本及銀行存簿封面影本,及依申請原因檢具相關事實證明文件。若款項撥付者非境外生本人,另需檢具關係證明文件。

3. Giấy tờ bắt buộc cần chuẩn bị: Ngoài đơn đăng ký, người nộp đơn cần đính kèm bản sao thẻ sinh viên, giấy chứng nhận đang theo học trong học kỳ đó, bản sao hai mặt Thẻ cư trú (ARC) của Trung Hoa Dân Quốc, bản sao hộ chiếu, bản sao trang bìa sổ ngân hàng và các giấy tờ chứng minh thực tế liên quan đến lý do xin hỗ trợ. Nếu người nhận tiền không phải là bản thân sinh viên nước ngoài, cần phải cung cấp thêm giấy tờ chứng minh mối quan hệ.

二、急難救助資訊
Thông tin cứu trợ khẩn cấp

四、審核:於前款申請提出之日起一個月內彙整申請案,送審查小組審查後核定。

4. Thẩm định: Trong vòng một tháng kể từ ngày nộp đơn đăng ký quy định tại khoản trên, các hồ sơ sẽ được tập hợp và gửi cho tổ thẩm định xem xét và phê duyệt.

五、撥款:經審查小組核定後,循行政程序辦理撥款事宜。

5. Cấp tiền: Sau khi tổ thẩm định phê duyệt, sẽ tiến hành thủ tục cấp tiền theo quy trình hành chính.

第五條 本急難救助金係由本校「校務精進計畫」經費項下支應,審查小組得視本辦法第二條各款情況,及急難救助金經費使用情形,於上限額度內酌予調整核給金額,當年度經費不足部分則另案簽請校長核准於校務基金相關經費項下支應。

Điều 5: Quỹ hỗ trợ khẩn cấp này được chi trả từ nguồn kinh phí " Kế hoạch cải tiến công tác trường học ", tổ thẩm định có thể tùy theo tình hình các khoản tại Điều 2 của quy chế này và tình trạng sử dụng kinh phí của Quỹ hỗ trợ khẩn cấp để điều chỉnh mức tiền cấp phát trong giới hạn tối đa cho phép, nếu kinh phí trong năm không đủ, sẽ làm tờ trình riêng xin Hiệu trưởng phê duyệt chi trả từ các nguồn kinh phí liên quan của quỹ nhà trường.

第六條 本辦法經行政會議通過後公告實施,修正時亦同。

Điều 6: Quy chế này được công bố và có hiệu lực sau khi được Hội đồng Hành chính thông qua, khi có sửa đổi cũng thực hiện tương tự.

三、重要學則
Nguyên tắc quan trọng

- **境外生休退學通報標準作業規範(113.07.16行政會議審議通過,簽1132100633)**
- **每學期始業時，應依規定繳納各項費用，逾期未繳者以未註冊退學並返國。**Vào đầu mỗi học kỳ, tất cả các khoản phí phải được nộp theo quy định. Những người không nộp sẽ bị đuổi và sẽ bị trở về nước.
- 學雜費分期，**須於當學期結束要前繳清學費，未依規定繳交者，學校得予以退學並返國。**Học phí tạp phí phân kỳ phải nộp theo quy định trước khi học kỳ kết thúc. Học sinh không nộp đúng quy định có thể bị đuổi học và trở về nước.
- 當學期曠課達20節，由系所啟動輔導機制；**超過45節，勒令退學並返國。**Khi vắng học đến 20 tiết trong học kỳ, sẽ bị khoa cảnh cáo; nếu vắng học quá 45 tiết, học sinh sẽ bị yêu cầu thôi học.
- 無故失聯達三天，經聯繫未到者，將被退學並返國。Những người không liên lạc được trong ba ngày mà không có lý do và không liên lạc được sẽ bị đuổi học và trở về nước.
- 未於規定時間內通過教育部華語文能力測驗，將被退學並返國。Học sinh không vượt qua bài kiểm tra trình độ tiếng Trung của Bộ Giáo dục trong thời gian quy định sẽ bị đuổi học và trở về nước.
- 操行成績不及格者。 Thành tích học tập không đạt
- 違反校規情節嚴重，經本校學生獎懲審議委員會議決議退學者。 Những người vi phạm nghiêm trọng nội quy của trường và bị đuổi khỏi trường theo quyết định của Hội đồng xét khen thưởng, trừng phạt học sinh của trường.

四、教育部境外生諮詢專線
Hoạt động tuyên truyền Đường dây nóng tư vấn du học sinh của Bộ Giáo dục

教育部優化大專校院境外學生諮詢服務
Bộ Giáo dục phục vụ học sinh quốc tế trường Đại học
•專屬網頁及意見信箱(www.nisa.moe.gov.tw另開新視窗)
Trang web và hòm thư ý kiến(www.nisa.moe.gov.tw)
•服務專線電話(**0800-789-007**)，週一至週五上午9時至下午5時，非上班時間也有語音答錄服務。
Đường dây nóng(**0800-789-007**)，Thứ 2 đến thứ 6 （9:00-17:00）, thời gian tan làm có phục vụ trả lời tự động.

Thẻ thông tin hỗ trợ sinh viên quốc tế (MOE CARES)





五、基本法治教育及法規簽署書
Những quy định và một số bộ luật liên quan

工讀相關事宜 Các quy định về việc làm thêm

一、學位班學生在臺工讀，請依「就業服務法」、「雇主聘僱外國人許可及管理辦法」及「勞動基準法」等勞動相關法令辦理。

Đối với sinh viên hệ vừa học vừa làm tại Đài Loan, vui lòng tuân theo các luật liên quan đến lao động như "Đạo luật Lao động", "Các biện pháp cho phép Người sử dụng lao động cho phép thuê người nước ngoài và quản lý", và "Đạo luật tiêu chuẩn lao động".

(1)臺端係依就業輔導法第50條規定申請工作許可，工作時間除寒暑假外，**每星期最長為20小時**。未依規定申請工作許可或原許可失效，即受聘僱爲他人工作者，處新臺幣3萬元以上15萬元以下罰鍰。

Sinh viên xin giấy phép lao động theo Điều 50 của Luật Lao động. **Giờ làm việc tối đa là 20 giờ một tuần**, không bao gồm kỳ nghỉ mùa đông và mùa hè. Nếu sinh viên không xin **giấy phép lao động** theo quy định hoặc giấy phép gốc không hợp lệ, sẽ bị phạt từ 30,000 Đài tệ đến 150,000 Đài tệ.

五、基本法治教育及法規簽署書
Những quy định và một số bộ luật liên quan

(3) 於我國工作之外國人，應依中華民國相關法令繳納稅捐及「入出國及移民法」相關規定辦理居留、延期或變更登記。
Người nước ngoài làm việc tại Đài Loan phải **nộp thuế** và **đăng ký cư trú**, gia hạn hoặc thay đổi đăng ký theo các luật và quy định liên quan của Trung Hoa Dân Quốc và "Luật Nhập cảnh, Xuất cảnh và Nhập cư" tại Khu vực Đài Loan ".

二、「學生個人與廠商的工讀合約」為學生個人與廠商簽訂之合約，屬學生自主工作意願，學校不得以實習課程之名義而要求學生從事工讀。任何工讀均須由學生自主與廠商簽署雙方工讀合約，不得有強迫情事。
“Hợp đồng làm thêm giữa sinh viên và doanh nghiệp” là hợp đồng được ký kết giữa sinh viên và doanh nghiệp, do sinh viên tự chủ và tình nguyện làm việc. Nhà trường không được phép yêu cầu sinh viên làm thêm dưới danh nghĩa của chương trình thực tập. Đối với bất kỳ chương trình làm thêm nào, sinh viên phải tự mình ký hợp đồng với doanh nghiệp và không có sự ép buộc nào.

六、基本法治教育及法規簽署書
Những quy định và một số bộ luật liên quan

其他 Quy định khác

一、**校外實習課程及工讀活動，每週總時數不得逾40小時**。學生每日實習及工讀總時數不得超過8小時，且結束時間不得超過晚上10點。

Sinh viên tham gia khóa thực tập ngoài trường và làm thêm không được làm quá 40 giờ mỗi tuần. Thời gian thực tập và làm thêm mỗi ngày không được vượt quá 8 tiếng và phải kết thúc trước 10 giờ tối.

六、基本法治教育及法規簽署書

Những quy định và một số bộ luật liên quan

其他 Quy định khác

二、交通安全注意事項



安全駕駛注意事項

Lưu ý an toàn khi điều khiển phương tiện giao thông

妥善機車 Xe máy được bảo dưỡng cẩn thận	合格駕照 Giấy phép lái xe hợp lệ	保險 Mua đầy đủ các loại Bảo hiểm cho xe và người	安全帽 Mũ bảo hiểm	遵守法規 Tuân thủ quy định Pháp luật	專注反應 Tập trung, phản xạ

不可以無照騎乘機車, 確保【**強制險**】定期投保，多加一項【**第三人責任險**】多一份保障

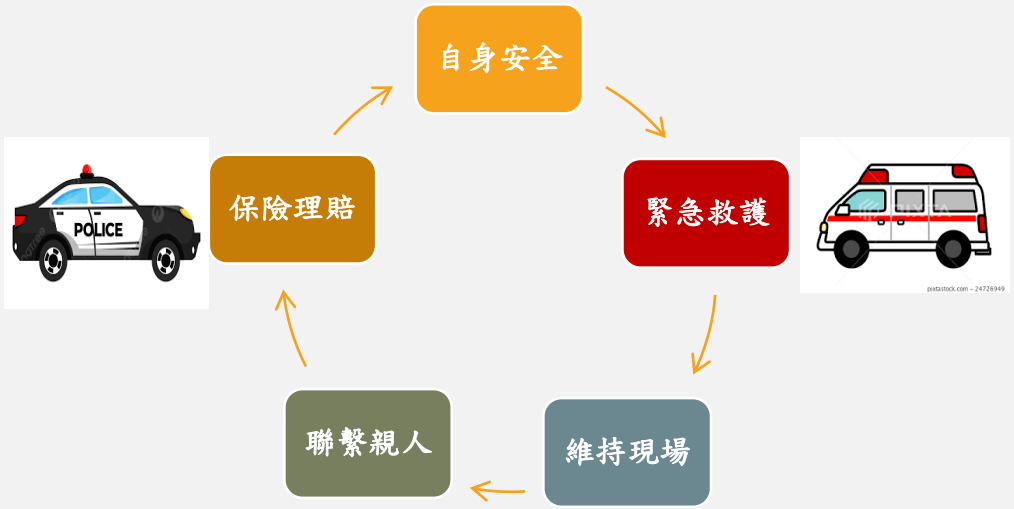
Không điều khiển xe gắn máy khi không có giấy phép lái xe, đảm bảo định kỳ nộp tiền phí **[Bảo hiểm bắt buộc]** đúng hạn và mua thêm **[Bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ ba]** để được bảo vệ tốt hơn.

敏實科技大學 × 人工智慧專業大學
MINTH UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

六、基本法治教育及法規簽署書

Những quy định và một số bộ luật liên quan

發生交通事故怎麼辦？
Khi xảy ra tai nạn giao thông phải làm như thế nào?



1 立即停車，注意來車，做好警示
Dừng xe, chú ý xe đang tới và cảnh báo nguy hiểm.

2 事故撥110報警，有人受傷先打119
Gọi 110 báo cảnh sát. Nếu có người bị thương, ưu tiên gọi 119.

3 確保安全後，保存現場影像與資訊
Khi an toàn, lưu ảnh hiện trường và thông tin liên quan.

4 聯絡校安，說明地點與傷況
Liên hệ nhà trường, cho biết địa điểm và tình trạng người bị thương.

校安與緊急求助電話:03-5922285
SĐT liên lạc giáo quan của trường: 03-5922285

六、基本法治教育及法規簽署書
Những quy định và một số bộ luật liên quan

其他 Quy định khác

三、**無照駕駛最新罰則摘要 (2026/01/31 起)**

🚫 **Tóm tắt quy định mới về lái xe không bằng lái (Từ 31/01/2026)**

- **罰鍰標準 Mức phạt tiền:**

機車 **一萬八千元至三萬六千元**；汽車**三萬六千元至六萬元**。10 年內累犯者，第 2 次直接罰最高額，第 3 次起加倍處罰。

Xe máy: 18,000 – 36,000 TWD; Ô tô: 36,000 – 60,000 TWD.

Tái phạm trong 10 năm: lần 2 phạt tối đa, từ lần 3 tăng dần mức phạt.

六、基本法治教育及法規簽署書
Những quy định và một số bộ luật liên quan

其他 Quy định khác

三、無照駕駛最新罰則摘要 (2026/01/31 起)

🚫 Tóm tắt quy định mới về lái xe không bằng lái (Từ 31/01/2026)

- 車輛與車主處置：
- 當場扣車並吊扣牌照 3 個月至 1 年。車主借車給無照者，比照駕駛人處**三萬六千**元至**六萬元**罰鍰並**扣牌**。

Biện pháp xử lý đối với xe và chủ xe:

Tạm giữ xe tại chỗ và treo biển số từ 3 tháng đến 1 năm. Chủ xe cho mượn xe bị **phạt** từ **36,000 ~ 60,000 TWD** và **treo biển số**.

六、基本法治教育及法規簽署書
Những quy định và một số bộ luật liên quan

其他 Quy định khác

三、無照駕駛最新罰則摘要 (2026/01/31 起)

🚫 Tóm tắt quy định mới về lái xe không bằng lái (Từ 31/01/2026)

- 考照禁令 Lệnh cấm thi bằng lái:

違規者禁考 1 至 2 年；酒駕吊銷或致人傷亡者，禁考期延長甚至終身禁考。

Người vi phạm bị cấm thi 1-2 năm; tước bằng lái do điều khiển xe khi có rượu bia hoặc gây tích hoặc tử vong sẽ bị kéo dài thời gian cấm thi, nặng nhất là cấm vĩnh viễn.

七、重要提醒
Lưu ý quan trọng

1. 曠課45節退學。

Nghỉ học không phép 45 tiết sẽ bị buộc thôi học.

2.確實明白並遵守台灣相關法規，若違法後過自負，嚴重將被退學並返國。

Thực sự hiểu rõ và tuân thủ pháp luật liên quan tại Đài Loan; nếu vi phạm, tự chịu mọi hậu quả, trường hợp nghiêm trọng sẽ bị buộc thôi học và về nước.

3.保管自身財物，並確保不會將重要證件（如護照、居留證、工作許可證、健保卡、銀行等）借給他人，若因此衍伸相關法律問題須自行負責。

Tự bảo quản tài sản cá nhân, không cho người khác mượn các giấy tờ quan trọng (như hộ chiếu, thẻ cư trú, giấy phép lao động, thẻ bảo hiểm y tế, tài khoản ngân hàng, v.v.); nếu phát sinh vấn đề pháp lý phải tự chịu trách nhiệm.

4.遵守交通法規，未持合法駕照不得上路，違規者後果自負。

Tuân thủ luật giao thông; không có giấy phép lái xe hợp pháp thì không được tham gia giao thông, người vi phạm tự chịu hậu quả.

5.尊重智慧財產權。

Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.